

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 3 năm 2019

Số: 77 /ĐLDKKBK- TCHC  
V/v: Báo cáo thường niên 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẮC KẠN**  
Năm 2018

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4700191357**
- Vốn điều lệ: 86.423.000.000 (Tám mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 86.423.000.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn Bản Chiêng - xã Đôn Phong - huyện Bạch Thông - tỉnh Bắc Kạn
- Số điện thoại: 0209.6282828
- Số fax/Fax:
- Website: pvpbackan.com.vn
- Mã cổ phiếu : **PBK**

*Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn được thành lập ngày 16/12/2009. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4700191357 ngày 16/12/2009 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng

Trụ sở hoạt động tại: Thôn Thác Giềng - Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn. Mục tiêu của Công ty: thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Thác Giềng tại Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn và các dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 16/9/2010, được sự nhất trí của các Cổ đông hiện hữu Công ty đã tiến hành sáp nhập Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Cắt vào Công ty, tiếp tục thực hiện thêm nhiệm vụ nữa là tiến hành thi công, phát điện, vận hành Công trình Nhà máy thủy điện Nậm Cắt (do Công ty CP Thủy điện Nậm Cắt đang thực hiện đầu tư dở dang). Theo đó, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 16/09/2010, trụ sở hoạt động tại: Thôn Thác Giềng - Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn. Mục tiêu của Công ty là thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Thác Giềng

tại Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn, tiếp tục đầu tư để thi công XD, phát điện, vận hành Công trình Nhà máy thủy điện Nậm Cắt tại Thôn bản Chiêng – Xã Đôn Phong – Huyện Bạch Thông - Tỉnh Bắc Kạn và các dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Sau hơn 1 năm sáp nhập, ngày 17/4/2012 Nhà máy thủy điện Nậm Cắt của Công ty đã chính thức phát điện thương mại với công suất 3,2 MW; hàng năm mang lại sản lượng điện phát lên lưới điện quốc gia khoảng 15 triệu Kwh.

- Các sự kiện khác: Sự cố ngập lụt toàn bộ Nhà máy thủy điện Nậm Cắt ngày 30/5/2013

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng

- Địa bàn kinh doanh: Thôn Bản Chiêng xã Đôn phong huyện Bạch thông tỉnh Bắc Kạn

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

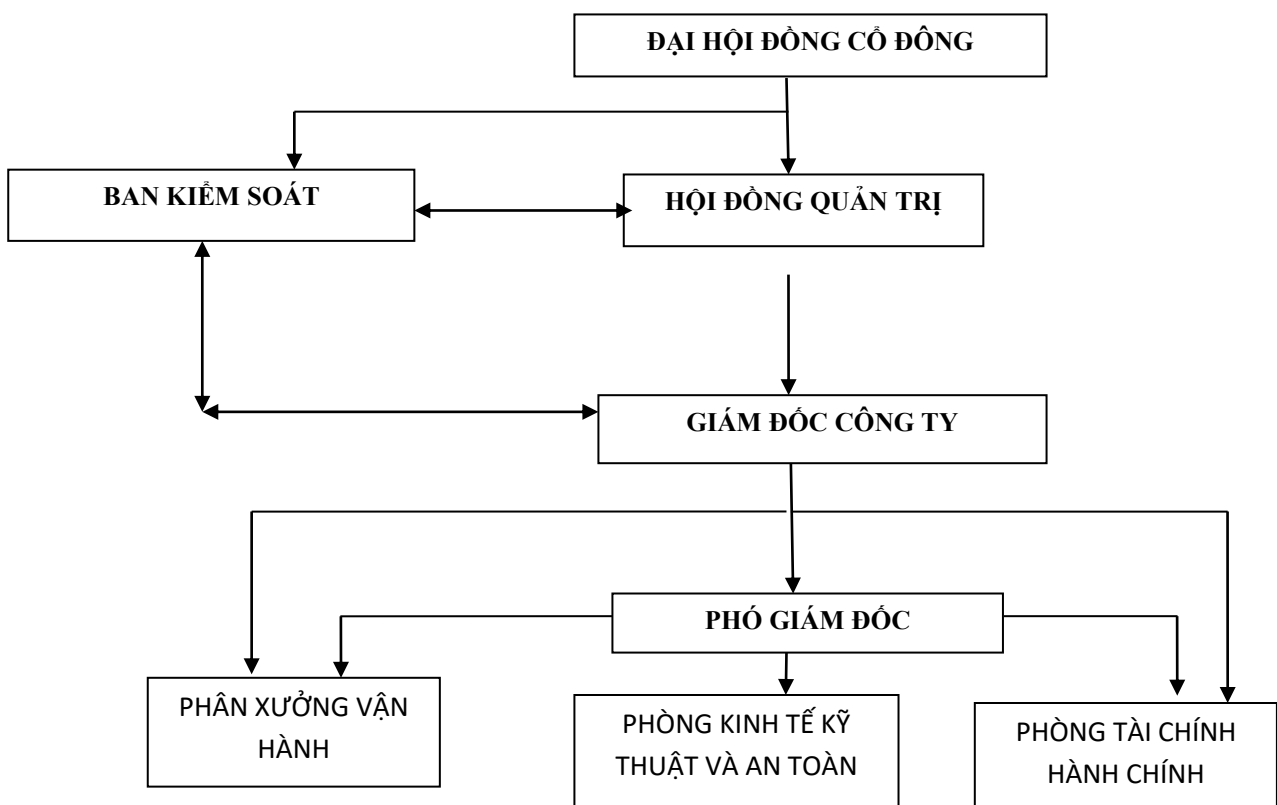
- Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan; cơ cấu tổ chức Công ty hiện tại như sau:

**ĐHĐCĐ và các cơ quan trực thuộc: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS Công ty và các Hội đồng do HĐQT quyết định thành lập;**

**Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng, ban:** Phòng Tài chính - Hành chính, Phòng Kinh tế Kỹ thuật & an toàn, Phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Cắt

- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### **4. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Quản lý vận hành an toàn hiệu quả Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt

+ Tham gia lắp đặt, dịch vụ bảo trì bảo dưỡng các Nhà máy Thủy điện nhỏ tại khu vực Tây Bắc và Đông Bắc

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Quản lý vận hành an toàn hiệu quả Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt

+ Tìm kiếm cơ hội tiếp tục đầu tư thêm các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ nâng cao công suất khai thác.

+ Mở rộng dịch vụ lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các Nhà máy Thủy điện vừa và nhỏ tại khu vực Tây Bắc và Đông Bắc

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và pháp luật về môi trường như đóng góp đầy đủ các quỹ về môi trường rừng, cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

+ Tiếp tục cùng chính quyền địa phương chăm lo cho các gia đình khó khăn neo đơn các gia đình chính sách trên địa bàn. Góp sức chăm lo cho phát triển giáo dục. làm đầu mối các chương trình thiện nguyện an sinh xã hội của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên tại địa bàn huyện Bạch thông nói riêng và Bắc kạn nói chung.

#### **5. Các rủi ro:**

- Rủi ro về biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành nhà máy.

- Rủi ro về chính sách đối với việc đầu tư và phát triển Nhà máy thủy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

+ Tổng sản lượng điện thương mại: 18,015 triệu Kwh

+ Tổng Doanh thu: 20,533 tỷ đồng

Trong đó: Doanh thu sản xuất điện: 20,392 tỷ đồng

Doanh thu HĐTC và thu nhập khác 0,14 tỷ đồng

+ Tổng chi phí : 19,732 tỷ đồng

Lợi nhuận: 0,803 tỷ đồng

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

+ Sản lượng đạt 121,8% so với kế hoạch năm 2018 (18,015 triệu kwh/14,78 triệu kWh); đạt 111% so với cùng kỳ năm trước (18,015 triệu kwh/16,21 triệu kWh).

+ Doanh thu đạt 115,2% kế hoạch (20,53 tỷ /17,82 tỷ) và bằng 113% so với năm 2017 (20,53 tỷ/18,014 tỷ)

### **2. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Xuân Bình	Giám đốc
2	Ông Tống Văn Bình	Phó Giám đốc
3	Ông Lã Quang Dũng	Kế Toán Trưởng

**+ Ông Đỗ Xuân Bình - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/02/1973

Nơi sinh: Thái nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P301- B1 - TT Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 1, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.

Căn cước công dân số: 019073000106 Ngày cấp: 27/7/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

01/9/1996 ÷ 14/3/2007: Cán bộ kế hoạch, dự toán, kỹ thuật tại Ban chuẩn bị đầu tư – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

15/3/2007 ÷ 31/10/2007: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch – Ban quản lý các dự án thủy điện – Tập đoàn Dầu khí VN/Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN, kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Xekaman 3.

01/11/2007 ÷ 28/4/2008: Phó Giám đốc Ban quản lý các dự án thủy điện – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí VN; kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty TNHH điện Xekaman 3.

29/4/2008 ÷ 12/11/2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 1 – Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN, kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH điện Xekaman 3.

13/11/2008 ÷ 04/11/2009: Trưởng Ban Đầu tư phát triển – Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Xekaman 3; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP thủy điện Đakđrinh; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP thủy điện Hòa Na.

05/11/2009 ÷ 31/5/2010: Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn quản lý dự án Điện lực Dầu khí 1 – Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH điện Xekaman 3; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH điện Xekaman 1.

01/8/2010 ÷ 28/9/2015: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty CP Tư vấn dự án Điện lực Dầu khí – Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH điện Xekaman 3; kiêm Ủy viên HĐQT Công ty TNHH điện Xekaman 1.

29/9/2015 đến 07/4/2016: Ủy viên Hội đồng quản trị (chuyên trách) Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí – Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

08/4/2016 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:

Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,012% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sở hữu Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đại diện: 4.140.000 cổ phần, chiếm 47,90% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**+ Ông Tống Văn Bình – Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: ngày 31 tháng 12 năm 1980

Nơi sinh: Bệnh viện Nhà máy Dệt Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 4202, CT12B, Khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Căn cước công dân số: 036080004070 Ngày cấp: 10/2/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Từ tháng 8 năm 2004 đến tháng 6 năm 2007: Chuyên viên Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Tổng Công ty Sông Đà

Từ tháng 6 năm 2007 đến 6/2009: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty cổ phần BITECO – Nho Quế, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang

Từ tháng 7 năm 2009 đến 7/2010: Chuyên viên Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Từ 8/2010 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:

Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần, chiếm 0,0058% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

**+ Ông Lê Quang Dũng – Kế Toán Trưởng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/07/1977

Nơi sinh: Kim Bình - Kim Bôi - Hòa Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kim Bình - Kim Bôi - Hòa Bình

Chứng minh thư nhân dân số: 113012729 Ngày cấp: 25/11/2015 Nơi cấp: CA Hòa Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính Hành chính.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Tháng 8/1999 ÷ 12/2008: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long Tổng Công ty XD Thăng long - Bộ Giao thông vận tải

Tháng 01/2009 ÷ 6/2009: Phụ trách Kế toán Công ty Cổ phần Lê Hà

Tháng 7/2009 ÷ 10/2010: Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính Tổng hợp Công ty CP Thủy điện Nậm Cắt

Từ tháng 10/2010 – 9/2017: Phó TP Tài chính Hành Chính Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn

Tháng 9/2017 đến nay: Kế Toán Trưởng kiêm TP.TC-HC Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:

Sở hữu cá nhân: 700 cổ phần, chiếm 0,008% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Số lượng CBCNV: 24

+ Chính sách:

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a/ Các khoản đầu tư lớn: không

b) Các công ty con, công ty liên kết: không

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i></b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>% tăng giảm/ %</b>
Tổng giá trị tài sản	99.710.168.352	95.499.743.629	-4,22
Doanh thu thuần	18.014.246.744	20.533.530.966	13
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	423.972.290	803.460.782	89,8
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	423.972.290	803.460.782	89,8
Lợi nhuận sau thuế	423.972.290	803.460.782	89,8
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

<b>Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i></b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,19  1,17	1,412  1,385	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> ) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	0,25  0,34	0,21  0,267	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> ) Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	  35,84  0,18	  45  0,215	

4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0,02	0,039	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0,006	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0,0043	0,0084	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0,0235	0,0319	
.....			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần

+ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.642.300 cổ phần

Trong đó Cổ phần tự do chuyển nhượng: 8.641.400 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 900 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	CMT/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	0102276173, do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 27/10/2016	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí 167 Trung Kính, Q. Cầu Giấy, TP. Hà nội	8.143.600	94,23%
2	Công ty CP 19/8	4700143811, do Sở KHĐT Bắc Kạn cấp ngày 13/07/2017	Thôn Nam Đội Thân, Nông Thượng, TP Bắc Kạn	100.000	1,16%
3	Công ty CP XD Sông Hồng	0100107042, do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 24/02/2017	164 Lò Đúc Quận Hai Bà Trưng Hà nội	287.000	3,32%
4	Cổ đông là thể nhân khác			111.700	1,29%
Tổng				8.642.300	100%



c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

### 6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Được cung cấp từ suối Nậm Cát một nhánh của Sông Cầu.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 100%

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng lao động bình quân: 28

Thu nhập bình quân: 10,8 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Người lao động được hưởng:

+ Chế độ ăn ca: 680.000 đ/người/ tháng

+ Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với lao động trong môi trường nguy hiểm độc hại được quy định tại Thông tư 25/2013/TT-BLĐTBXH.

+ Được tham quan nghỉ mát phục hồi sức khỏe: 01 lần/năm

+ Được thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (Bản thân người lao động, vợ chồng con cái và bố mẹ)

+ Được cấp trang thiết bị quần áo bảo hộ khi làm việc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng năm người lao động được đào tạo huấn luyện an toàn PCCN và tìm kiếm cứu nạn, huấn luyện an toàn điện, huấn luyện an toàn lao động.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Đối với các Trưởng ca được huấn luyện cấp chứng chỉ Trưởng ca vận hành

+ Đối với vận hành viên được huấn luyện tập huấn kiến thức thi nâng bậc thợ

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

+ Thực hiện các hoạt động an sinh xã hội tại địa bàn xã Đôn phong.

+ Hỗ trợ kinh phí duy tu bảo trì đường giao thông nông thôn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Qua các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại mục II – Tình hình hoạt động trong năm: Ban Giám đốc cho rằng kết quả hoạt động SXKD năm 2018 là hiệu quả các chỉ tiêu chính đều vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Khả năng ứng phó với các tình huống trong quá trình vận hành Nhà máy giúp cho gia tăng sản lượng sản xuất.

+ Tay nghề đội ngũ vận hành viên được nâng cao, đáp ứng nhiều công việc là cơ hội mở rộng ngành nghề góp phần mở rộng quy mô SXKD.

#### *2. Tình hình tài chính/ Financial Situation:*

##### a) Tình hình tài sản/ *Assets*:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản: Tổng tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2018 giảm 4,2% so với thời điểm 31/12/2017. Nguyên nhân chính là do khấu hao năm 2018 và dư nợ vay giảm. Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2018 là cao hơn năm 2017.

Đối với công nợ phải thu đã được nêu tại ý kiến loại trừ của Kiểm toán viên Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi tuy nhiên về tiến độ chưa đạt yêu cầu. Ban Giám đốc cho rằng đây là nhiệm vụ hết sức trọng tâm trong năm 2019 của Công ty.

##### b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Đối với khoản nợ vay để đầu tư xây dựng Nhà máy dư nợ tại thời điểm 31/12/2018 là 12,3 tỷ được Công ty thanh toán kịp thời khi đến hạn.

Công ty không phải chịu các rủi ro phát sinh liên quan đến việc thay đổi chính sách về tỷ giá

Đối với chính sách về lãi suất có ảnh hưởng nhưng với số dư nợ là tương đối thấp nên không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Cơ cấu tổ chức của Công ty Ban Giám đốc cho rằng là phù hợp bộ máy gọn nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu công việc theo quy định.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

- Thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD 2019 đặc biệt đây là năm Công ty tiến hành đại tu Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt và các năm tiếp theo.

- Tập trung đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ.

- Tìm kiếm cơ hội mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, địa bàn kinh doanh đặc biệt là các lĩnh vực Công ty có thế mạnh.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản công nợ đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt. Ban Giám đốc có ý kiến như sau:

Căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu giai đoạn và biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm 31/12/2010 và số liệu tại BCTC lập ngày 31/12/2018 số tiền Liên danh Nhà thầu còn nợ Công ty là: 6.394.993.680 đồng (Sáu tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Trong đó tiền tạm ứng phải thu hồi của nhà thầu là 7.899.272.382đ và tiền khối lượng phải trả nhà thầu là: 1.504.278.702đ

Đến ngày 31/3/2011 do không đáp ứng được tiến độ thi công Công ty đã tiến hành chấm dứt hợp đồng và yêu cầu liên danh quyết toán giá trị thực hiện làm cơ sở thanh lý Hợp đồng và đối chiếu công nợ. Tuy nhiên nhà thầu đã không thực hiện. Sau khi hoàn thành dự án Công ty đã gửi rất nhiều văn bản yêu cầu quyết toán nhưng Nhà thầu vẫn không thực hiện do đó đến ngày 31/12/2014 Công ty đã tiến hành phê duyệt báo cáo quyết toán dự án trong đó tự quyết toán giá trị thực hiện của Nhà thầu và được Công ty TNHH Kiểm toán VACO tiến hành kiểm toán. Kết quả sau khi kiểm toán Nhà thầu còn nợ Công ty số tiền là: 5.691.852.648 đồng (Năm tỷ sáu trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng). Tuy nhiên Nhà thầu không chấp nhận số liệu trên.

Qua rất nhiều làm việc Nhà thầu đề nghị được rà soát lại kết quả quyết toán (Biên bản làm việc ngày 2/2/2016) đồng thời có công văn đề nghị khấu trừ công nợ bằng cách chuyển nhượng một phần tài sản tại khu đô thị Hồng Thái huyện Đan Phượng – Hà Nội (Công văn số 87/VP-CT ngày 9/3/2016). Trước động thái trên của Nhà thầu Công ty đã đề nghị Nhà thầu khẩn trương ký quyết toán, đối chiếu công nợ, và chuyển cho Công ty các hồ sơ pháp lý của tài sản tại khu đô thị Hồng Thái - huyện Đan Phượng – Hà Nội. Tuy nhiên Nhà thầu vẫn chần chừ cố tình kéo dài thời gian vì vậy Công ty đã khởi kiện ra Tòa án ND quận Thanh Xuân – Hà nội. Thời gian xét xử đã được Tòa án ND quận Thanh Xuân quyết định là ngày 28/9/2017. Qua nhiều lần trì hoãn ngày ngày 19/1/2018 Tòa án ND quận Thanh Xuân đã có quyết định số 06/2018/QĐST-KDTM về việc tạm đình chỉ vụ án. Tuy nhiên Công ty đánh giá việc ban hành Quyết định trên của TAND quận Thanh xuân là chưa đúng với bản chất vụ án cho nên đã gửi đơn kháng cáo lên TAND Thành phố Hà nội.

Ngày 30/11/2018 TAND TP Hà nội đã có Quyết định số 171/2018/QĐ-PT về việc giải quyết việc kháng cáo của Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn. Tại quyết định TAND TP Hà nội đã giữ nguyên Quyết định số 06/2018/QĐST-KDTM của TAND quận Thanh Xuân và chuyển toàn bộ hồ sơ cho TAND quận Thanh Xuân để tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền.

#### **Trước tình hình trên Công ty đánh giá:**

Số liệu về công nợ chưa có sự đồng thuận của cả hai bên, khả năng thu hồi nợ là vẫn còn (Nhà thầu còn lượng lớn tài sản là bất động sản). Để giải quyết vấn đề này Công ty đã phối hợp với Văn phòng luật sư Khánh Hưng – Đoàn luật sư Hà Nội tiếp tục làm việc giải trình với TAND Thanh Xuân và kiên trì đàm phán với nhà thầu trong việc quyết toán giá trị các gói thầu đồng thời xem xét việc cân trừ nợ bằng tài sản theo ý kiến đề nghị tại văn bản số 87/VP-CT ngày 9/3/2016 của Công ty CP Sông Đà 9.06. Mặt khác Công ty cũng xem xét tiến hành việc trích lập dự phòng khoản công nợ trong năm 2019.

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company:*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Đã có các biện pháp và giải pháp triệt để hạn chế đến mức tối thiểu các tác động có hại đến môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Nhà.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện tốt các thỏa thuận với người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã thực hiện tốt vai trò trong việc hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển kinh tế xã hội góp phần xóa đói giảm nghèo.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:*

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Sản lượng (triệu kwh)	14,78	18,015	
2	Doanh thu (tỷ đồng)	17,82	20,533	
3	Lợi nhuận (triệu đồng)	530	803	

- Hoàn thành việc trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên sàn Upcom.

- Công tác thu hồi công nợ: Đã thực hiện việc khởi kiện Nhà thầu ra Tòa án quận Thanh xuân tuy nhiên tiến độ còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu.

- Làm tốt các công tác an sinh xã hội tại địa bàn cũng như làm đầu mối cho các chương trình an sinh xã hội của Tổng Công ty và các công ty thành viên.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

- Ban Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Ban Giám đốc hoạt động hiệu quả trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác nhân sự cũng như đoàn kết trong hoạt động.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo sát sao kịp thời để hoàn thành vượt mức KHSXKD 2019.

- Đôn đốc Ban điều hành đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ.

- Tìm kiếm cơ hội mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, địa bàn kinh doanh đặc biệt là các lĩnh vực Công ty có thế mạnh.

## V. Quản trị công ty/Corporate governance:

### 1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors:

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần		Chức vụ tại tổ chức khác
			Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	
1	Mai Xuân Nam	Chủ tịch HĐQT	0,012%	46,33%	Phó TB Kinh tế kế hoạch Tổng Công ty ĐLDK Việt Nam-CTCP
2	Ông Đỗ Xuân Bình	TV HĐQT – Giám đốc	0,012%	47,9%	
3	Phạm Văn Hạnh	TV HĐQT			Giám đốc công ty TNHH Sản xuất Cucumin Bắc Hà – Bắc Kạn Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 19/8

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2017 HĐQT tổ chức 04 cuộc họp.

Nội dung các cuộc họp: Kiểm điểm việc triển khai KHSXKD các quý và kế hoạch các quý kế tiếp. Tại các cuộc họp này các thành viên HĐQT đã đồng thuận với các nội dung đưa ra.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ tên	Chứng chỉ	Nơi cấp
1	Ông Mai Xuân Nam	Quản trị doanh nghiệp	Trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành xây dựng
2	Ông Đỗ Xuân Bình	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp	Học viện cán bộ quản lý XD và đô thị

## 2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors:

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần		Chức vụ tại tổ chức khác
			Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	
1	Ông Nguyễn Thanh Khiết	Trưởng ban	0,0058%		
2	Bà Nguyễn Thị Hằng	TV Ban Kiểm soát	0,0058%		CV Ban Tài chính kế toán và kiểm toán TCT ĐLDK Việt Nam
3	Ông Trần Văn Hiền	TV Ban Kiểm soát	0	0	Phó GD Công ty cổ phần 19/8

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác:

- Góp ý vào việc xây dựng KHSX của Công ty
- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2018;
- Kiểm soát thẩm tra BCTC của Công ty
- Ban Kiểm soát đã tổ chức họp 1 lần trong năm để phân công nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát công nợ của Công ty theo Quy chế làm việc của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát;
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp	Thu nhập khác	Tổng cộng thu nhập
1	2	3	4	5	6	7=6+5+4
1	Ông Mai Xuân Nam	Chủ tịch		36.000.000		36.000.000
2	Ông Đỗ Xuân Bình	TV HĐQT/ Giám đốc	348.534.700		23.646.000	372.180.700
3	Ông Phạm Văn Hạnh	TV HĐQT		30.000.000		30.000.000
3	Ông Tống Văn Bình	Phó GD	237.441.600		20.835.600	258.277.200
4	Ông Nguyễn Thanh Khiết	Trưởng ban KS	227.531.100		8.160.000	235.691.100
5	Bà Nguyễn Thị Hằng	TV Ban KS		18.000.000		18.000.000
6	Ông Trần Văn Hiền	TV Ban KS		18.000.000		18.000.000
7	Ông Lã Quang Dũng	Kế toán trưởng	237.605.100		20.842.800	258.447.900

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã nghiêm túc thực hiện Quy chế Quản trị công ty được quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ban hành từ 6/6/2017 và được áp dụng từ ngày 1/8/2017.

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements:*

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Giá trị quyết toán Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt đã được phê duyệt theo Quyết định số 38/QĐ/HĐQT-ĐLĐKBK ngày 18/12/2014 của Hội đồng Quản trị. Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã thực hiện việc đối chiếu, xác nhận đầy đủ số dư các khoản công nợ phải trả người bán, trả trước cho người bán... Nhưng do một số nhà thầu chưa hợp tác trong quá trình quyết toán Dự án, dẫn đến công tác đối chiếu xác nhận công nợ của Công ty đối với các nhà thầu này gặp khó khăn. Tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, một số nhà thầu (Liên danh Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Thành Nam) chỉ mới ký Biên bản với Công ty việc cam kết đối chiếu công nợ phải trả, ứng trước cho nhà cung cấp và trả nợ tiền tạm ứng công trình Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt trước ngày 31/3/2017, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này các bên vẫn chưa đối chiếu công nợ. Vì vậy, khoản công nợ phải trả số tiền 1.504.278.702 đồng và ứng trước cho người bán số tiền 7.899.272.382 đồng liên quan các đối tượng trên của Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt (như thuyết minh số 6 và 12 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính) chưa đối chiếu xác nhận cũng như chưa thanh toán thu hồi được. Hiện tại, Công ty đã thực hiện việc khởi kiện các nhà thầu này ra Tòa án dân sự để giải quyết thu hồi





